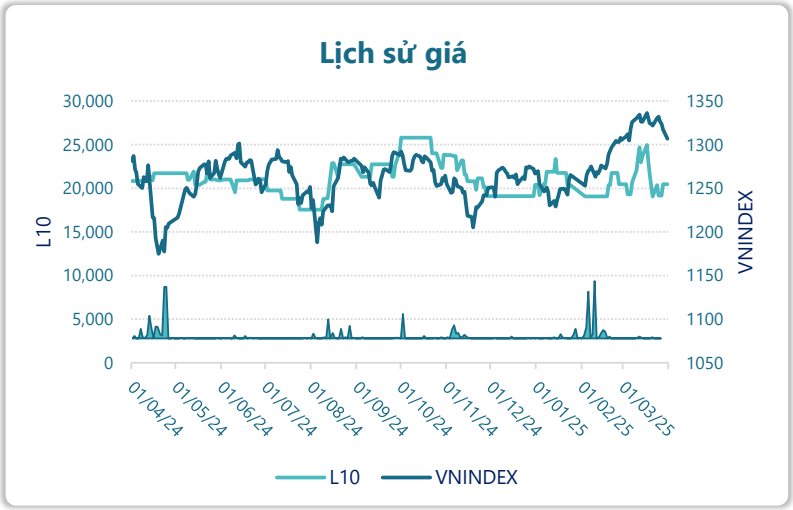
CTCP Lilama 10 (HSX: L10)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**20,450**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,550
SL cổ phiếu LH	9,790,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,540
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	200
P/E	6.8
EPS	2,994

DT thuần

Q1/25

391

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 101| 34.7%

YoY: ▲ 178| 83.4%

LN sau thuế

Q1/25

4.98

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.75| -42.9%

YoY: ▲ 1.75| 54.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.8%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

2024

1,073

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25.0| 2.4%

LN sau thuế

2024

27.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.70| 6.4%

ROE

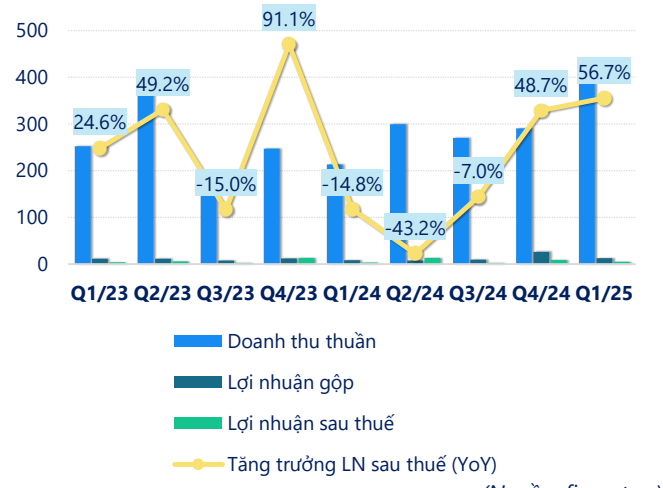
2024

10.0%

+/- YoY: ▲ 0.1%

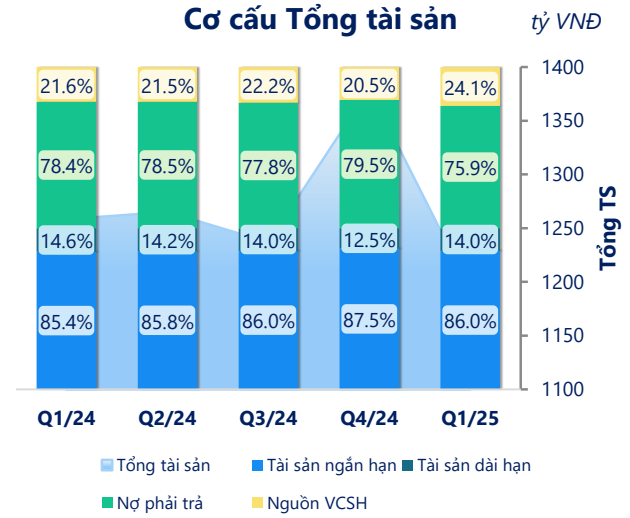
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



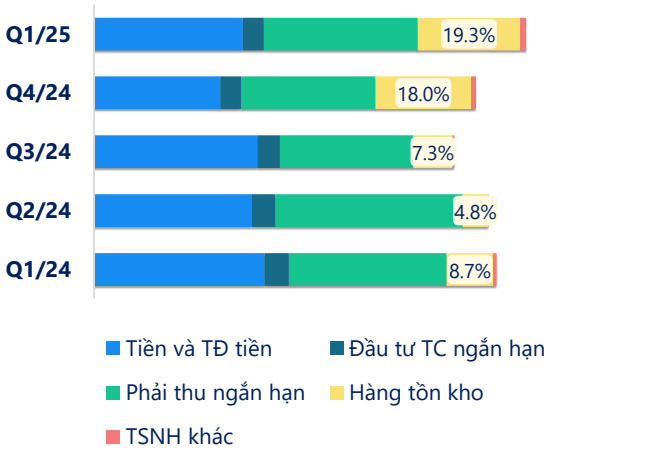
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



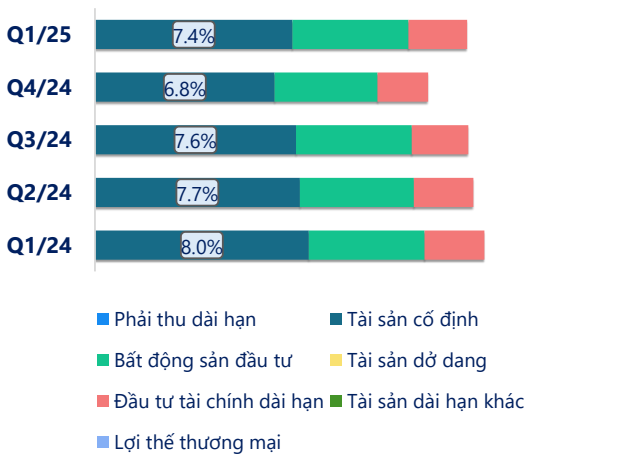
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



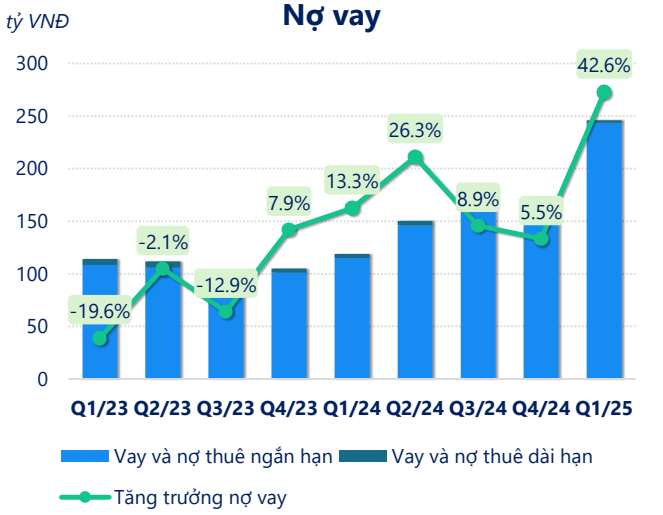
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



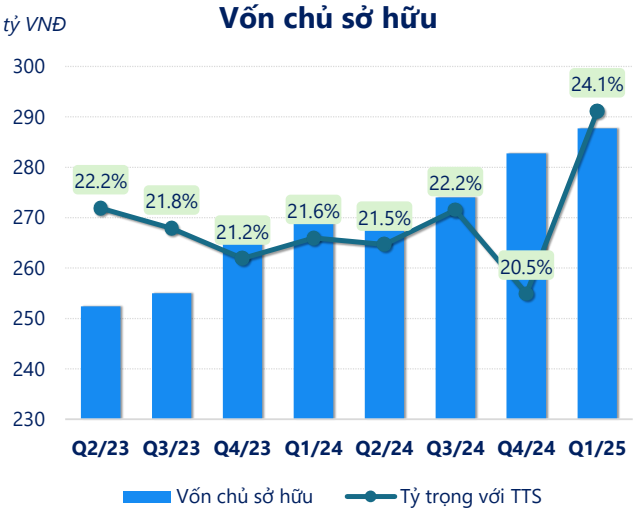
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



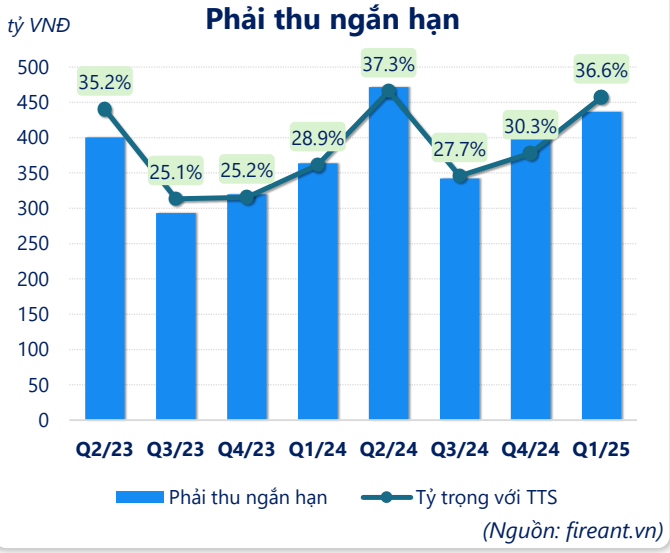
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



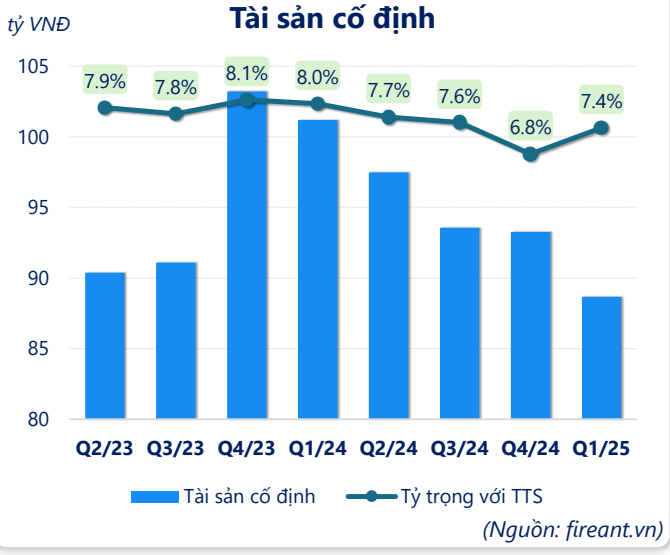
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



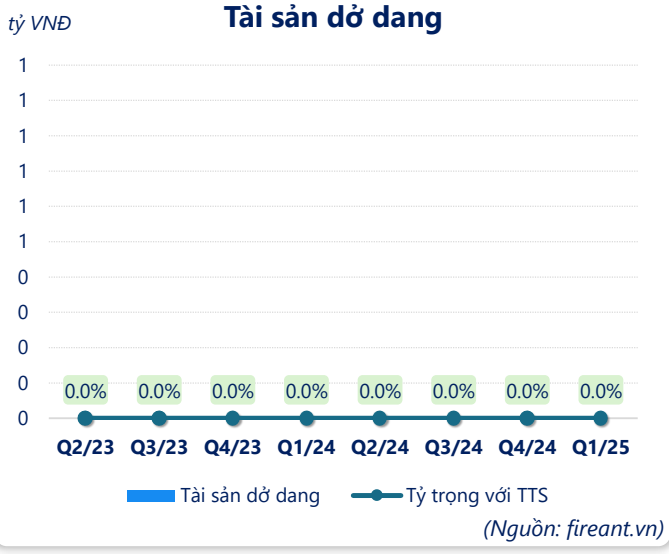
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



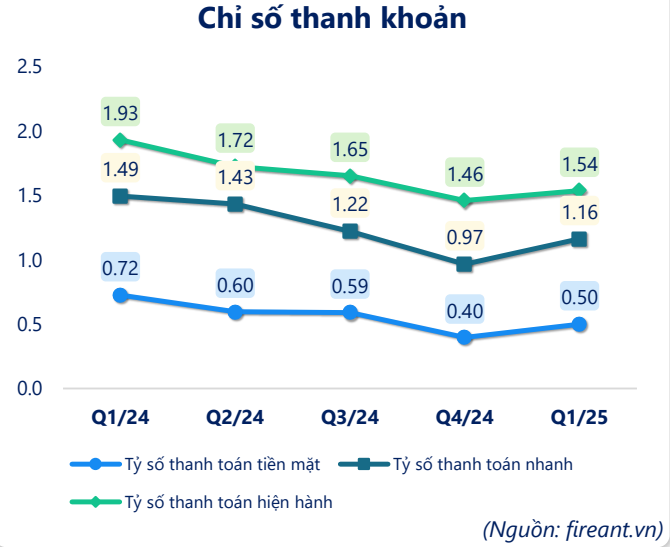
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



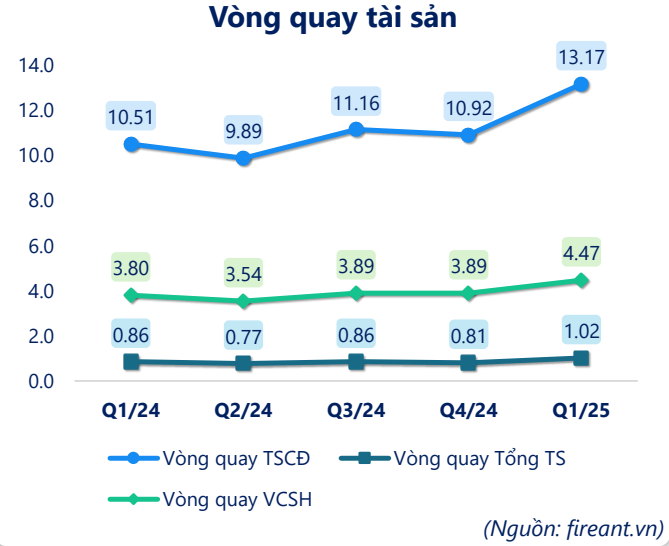
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,258**	**1,265**	**1,237**	**1,380**	**1,193**
Tài sản ngắn hạn	**1,074**	**1,085**	**1,063**	**1,207**	**1,026**
Tiền và tương đương tiền	403	376	380	328	334
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	50.0	54.2	44.3	4.30
Phải thu ngắn hạn	364	472	342	417	436
Hàng tồn kho	243	184	278	409	250
Tài sản ngắn hạn khác	14.0	4.13	8.62	8.55	1.32
Tài sản dài hạn	**184**	**180**	**174**	**173**	**167**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	101	97.5	93.5	93.3	88.7
Bất động sản đầu tư	54.9	54.3	53.8	53.3	52.1
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	28.3	28.3	26.3	26.3	26.3
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**986**	**994**	**963**	**1,097**	**906**
Nợ ngắn hạn	**556**	**630**	**644**	**827**	**668**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	115	146	159	170	244
Phải trả người bán ngắn hạn	204	168	129	231	125
Nợ dài hạn	430	364	319	270	237
Vay và nợ thuê dài hạn	4.00	4.00	4.00	2.20	2.20
Nguồn vốn chủ sở hữu	**272**	**272**	**274**	**283**	**288**
Vốn chủ sở hữu	**272**	**272**	**274**	**283**	**288**
Vốn điều lệ	98.9	98.9	98.9	98.9	98.9
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)